

Số: /KH-UBND

Đồng Yên, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số
trên địa bàn xã Đồng Yên đến năm 2030

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15; Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 4214/QĐ-BKHCN ngày 17/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số;

Căn cứ Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn xã Đồng Yên đến năm 2030, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Thúc đẩy hình thành thói quen tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số (*gọi tắt là tiêu dùng số*); từng bước đưa tiêu dùng số trở thành kênh quan trọng trong phát triển kinh tế số của xã, gắn với thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, logistics số, truy xuất nguồn gốc, hóa đơn điện tử, định danh và xác thực điện tử, chữ ký số, hợp đồng điện tử, chứng từ điện tử và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

1.2. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, chủ thể OCOP và các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh (*gọi tắt là các chủ thể sản xuất kinh doanh*) trên địa bàn xã chuyển đổi từ phương thức kinh doanh truyền thống sang kinh doanh đa kênh trên môi trường số; nâng cao năng lực kinh doanh số, marketing số, xây dựng

thương hiệu số, quản trị gian hàng số, chăm sóc khách hàng, quản lý đơn hàng, thanh toán và giao nhận hàng hóa.

1.3. Phát huy lợi thế sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm làng nghề, dịch vụ du lịch, văn hóa, ẩm thực của xã; mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao khả năng kết nối cung - cầu, giảm phụ thuộc vào phương thức phân phối truyền thống, nhất là đối với khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.4. Tạo lập môi trường tiêu dùng số an toàn, minh bạch, thuận tiện, tin cậy; bảo vệ thông tin cá nhân, thông tin thanh toán; phòng ngừa, hạn chế rủi ro gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái, lừa đảo trực tuyến và các hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường số.

1.5. Góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số của xã Đồng Yên đến năm 2030; phát triển xã hội số bao trùm, an toàn, thu hẹp khoảng cách số, phù hợp với điều kiện địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Yêu cầu

2.1. Việc triển khai kế hoạch phải bám sát Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 4214/QĐ-BKHCN ngày 17/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; phù hợp với Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 và định hướng Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đồng Yên giai đoạn 2026 - 2030.

2.2. Nhiệm vụ phải có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã; ưu tiên nhóm sản phẩm, dịch vụ có lợi thế như sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, dịch vụ văn hóa, ẩm thực địa phương.

2.3. Lấy người dân và các chủ thể sản xuất kinh doanh làm trung tâm; lấy mức độ tham gia thực chất, số lượng sản phẩm, dịch vụ được số hóa, khả năng duy trì hoạt động trên nền tảng số, mức độ thanh toán không dùng tiền mặt, hiệu quả kết nối cung - cầu và niềm tin của người tiêu dùng làm thước đo.

2.4. Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn viên thanh niên, hội nông dân, hội phụ nữ, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp buro chính, viễn thông, ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán trong hướng dẫn, hỗ trợ người dân, các chủ thể sản xuất kinh doanh tham gia tiêu dùng số.

2.5. Việc hỗ trợ doanh nghiệp, các chủ thể sản xuất kinh doanh tham gia tiêu dùng số, thương mại điện tử và các nền tảng số bảo đảm công khai, minh bạch, phù hợp với nhu cầu, năng lực, mô hình sản xuất, kinh doanh của từng chủ thể; không bắt buộc sử dụng một sàn, nền tảng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cụ thể; đồng thời chú trọng bảo vệ thông tin khách hàng, dữ liệu giao dịch và bí mật kinh doanh theo quy

định của pháp luật.

2.6. Bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền lợi người tiêu dùng; tăng cường quản lý thuế, hóa đơn điện tử, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng hàng hóa và phòng chống gian lận thương mại trên môi trường số.

II. THỰC TRẠNG VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm chỉ đạo, triển khai nhiều nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc, hóa đơn điện tử, phát triển hạ tầng viễn thông, bưu chính, logistics và phổ cập kỹ năng số cho người dân. Đây là nền tảng quan trọng để thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, nhất là đối với các sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, dịch vụ du lịch, văn hóa, ẩm thực của xã.

1. Kết quả đạt được

1.1. Hạ tầng số của xã tiếp tục được duy trì, phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu triển khai các nền tảng số, dịch vụ số và hoạt động tiêu dùng số. Đến nay, toàn xã có 19 trạm BTS đang hoạt động, trong đó có 05 trạm 5G; hạ tầng cáp quang đã được phủ đến các thôn. Mạng truyền số liệu chuyên dùng tiếp tục duy trì ổn định, kết nối đến 100% cơ quan, đơn vị, bảo đảm phục vụ thông suốt các hệ thống thông tin dùng riêng của cơ quan nhà nước. Sự phát triển của hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng, 4G, 5G là điều kiện quan trọng để người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận nền tảng số, thanh toán số, thương mại điện tử, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số.

1.2. Về dữ liệu số, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của xã tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm kết nối, liên thông phục vụ trao đổi, chia sẻ dữ liệu. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được liên thông. Từng bước hình thành dữ liệu sản phẩm, dữ liệu thị trường, dữ liệu du lịch, dữ liệu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phục vụ quảng bá, kết nối cung - cầu, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số.

Công tác tạo lập, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử và số hóa tiếp tục được đẩy mạnh. Tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%, trừ văn bản mật theo quy định; 100% cơ quan thực hiện tạo lập, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 93,18%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 93,26%. Đến nay, xã đã hoàn thành đồng bộ 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Kết quả này góp phần hình thành thói quen xử lý công việc, khai thác dữ liệu, cung cấp dịch vụ trên môi trường số, tạo nền tảng để mở rộng sang các hoạt động tiêu dùng số, giao dịch số, thanh toán số.

1.3. Về an toàn thông tin, an ninh mạng, xã tiếp tục duy trì hệ thống giám sát

an toàn thông tin mạng và kiểm soát mã độc tập trung. Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng được duy trì; triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung; hoàn thành rà quét lỗ hổng trên cổng thông tin điện tử của xã. Đây là điều kiện quan trọng để bảo đảm an toàn cho các nền tảng số, dữ liệu số, giao dịch trực tuyến, thanh toán điện tử, góp phần tạo lập niềm tin số cho người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khi tham gia môi trường số.

1.4. Về phát triển kinh tế số của xã tiếp tục phát triển theo hướng thực chất, góp phần đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, mở rộng không gian phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động và chất lượng đời sống người dân. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn xã đã từng bước ứng dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, hóa đơn điện tử, truy xuất nguồn gốc, thanh toán số, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, tập trung vào sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực, sản phẩm đặc sản và các sản phẩm có lợi thế của địa phương.

1.5. Thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tiêu dùng số. Trên địa bàn xã hiện có 01 ngân hàng giao dịch, chi trả an sinh xã hội, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội. Xã tổ chức thực hiện 01 mô hình chợ 4.0 với dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại địa bàn. Đây là nền tảng quan trọng để mở rộng thanh toán số trong mua bán hàng hóa, dịch vụ, du lịch, thương mại điện tử và các hoạt động tiêu dùng trên môi trường số.

1.6. Thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh trên nền tảng số có bước phát triển tích cực. Xã tiếp tục tập trung phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số; doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn đã chủ động ứng dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, hóa đơn điện tử, truy xuất nguồn gốc, thanh toán số và kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Một số sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề đã được giới thiệu, quảng bá trên các nền tảng số, mạng xã hội, website, sàn thương mại điện tử, qua đó góp phần mở rộng kênh tiêu thụ, kết nối cung - cầu và nâng cao khả năng tiếp cận thị trường.

1.7. Hoạt động sáng tạo nội dung số, quảng bá sản phẩm, dịch vụ, văn hóa, du lịch trên các nền tảng số phát triển khá sôi động trên kênh YouTube, TikTok có lượng theo dõi lớn, tạo nguồn thu nhập mới, quảng bá hiệu quả hình ảnh, văn hóa, sản phẩm địa phương. Mô hình kinh tế số gắn với du lịch cộng đồng bước đầu phát triển tại các khu vực có tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch văn hóa.

1.8. Về xã hội số và dịch vụ hỗ trợ tiêu dùng số, các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục phát triển hạ tầng mạng di động 4G, 5G, đường truyền Internet tốc độ cao, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân tiếp cận thiết bị, dịch vụ số và thanh toán điện tử. Xã duy trì 02 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, có kết nối Internet băng rộng cố định. Mạng lưới bưu chính, chuyển phát là điều kiện quan trọng để hỗ trợ thương mại điện tử, giao nhận hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, sản phẩm theo mùa vụ, nhất là tại khu vực miền núi, dân cư phân tán.

1.9. Phong trào “Bình dân học vụ số” tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần phổ cập kỹ năng số, nâng cao năng lực tiếp cận dịch vụ số của người dân. Gắn nội dung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Phong trào và các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào nghị quyết đại hội đảng bộ xã và chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây là điều kiện thuận lợi để huy động hệ thống chính trị ở cơ sở, Tổ công nghệ số cộng đồng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hướng dẫn người dân, hộ kinh doanh, hợp tác xã ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, thanh toán không dùng tiền mặt và tiêu dùng số an toàn.

2. Khó khăn, hạn chế

2.1. Việc tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số còn phân tán, chưa hình thành đầy đủ cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các phòng, ngành, thôn, doanh nghiệp nền tảng, doanh nghiệp bưu chính, logistics, ngân hàng và các chủ thể sản xuất, kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh mới dừng ở mức giới thiệu, quảng bá sản phẩm, chưa vận hành đầy đủ quy trình kinh doanh số từ chuẩn hóa thông tin, mở gian hàng, đặt hàng, thanh toán, giao nhận, chăm sóc khách hàng đến tiếp nhận phản ánh, đánh giá của người tiêu dùng.

2.2. Công tác chuẩn hóa thông tin sản phẩm, mã QR, truy xuất nguồn gốc, câu chuyện sản phẩm, hình ảnh, video, dữ liệu thị trường còn chưa đồng đều giữa các ngành hàng và chủ thể sản xuất, kinh doanh. Một số sản phẩm có tiềm năng, nhất là sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực, sản phẩm làng nghề, sản phẩm của hợp tác xã, hộ sản xuất, hộ kinh doanh ở cấp xã chưa được bài bản để đưa lên sàn thương mại điện tử, nền tảng bán hàng trực tuyến hoặc kênh quảng bá số phù hợp.

2.3. Kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh số, marketing số, livestream bán hàng, quản trị gian hàng số, xử lý đơn hàng, chăm sóc khách hàng và sử dụng công cụ số của một bộ phận doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh, người dân còn hạn chế. Một bộ phận người dân, nhất là người lớn tuổi, người dân ở vùng sâu, vùng xa còn khó khăn trong tiếp cận thiết bị thông minh, tài khoản thanh toán, kỹ năng mua sắm trực tuyến an toàn và nhận diện rủi ro trên môi trường số.

2.4. Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, đặt dịch vụ trực tuyến, tiếp nhận đánh giá và chăm sóc khách hàng trên môi trường số chưa đồng đều tại chợ, điểm bán hàng tập trung, cơ sở dịch vụ, khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí. Hạ tầng logistics phục vụ thương mại điện tử, nhất là đối với nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản theo mùa vụ tại một số địa bàn miền núi, dân cư phân tán còn gặp khó khăn về chi phí, thời gian giao nhận, đóng gói, bảo quản.

2.5. Từ thực trạng trên, việc ban hành Kế hoạch thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn xã Đồng Yên đến năm 2030 là cần thiết nhằm xác định rõ mục tiêu, lộ trình, nhiệm vụ, trách nhiệm và kết quả dự kiến; tạo cơ sở

để các phòng, ngành, thôn phối hợp đồng bộ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia hiệu quả vào môi trường số, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số của xã.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

1.1. Đến năm 2030, thúc đẩy tiêu dùng số trở thành kênh quan trọng trong phát triển kinh tế số của xã; góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm địa phương, phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc, logistics số và hình thành môi trường tiêu dùng số an toàn, thuận tiện, tin cậy.

1.2. Từng bước nâng cao hiệu quả kết nối, giao dịch, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ trên các môi trường số; hỗ trợ các chủ thể sản xuất kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong quảng bá, bán hàng, thanh toán, giao nhận, chăm sóc khách hàng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên môi trường số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Phấn đấu 70% sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đủ điều kiện được chuẩn hóa thông tin, hình ảnh, mã QR, truy xuất nguồn gốc và quảng bá trên môi trường số.

2.2. Phấn đấu 100% sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề, sản phẩm của hợp tác xã, hộ sản xuất, hộ kinh doanh có tiềm năng để hỗ trợ quảng bá, kết nối tiêu thụ trên môi trường số.

2.3. Phấn đấu trong số hợp tác xã đang hoạt động, đủ điều kiện, có 70% hợp tác xã ứng dụng nền tảng số trong quản trị, quảng bá, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.

2.4. Phấn đấu 100% siêu thị, chợ trung tâm xã, điểm bán hàng tập trung đủ điều kiện được hướng dẫn triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, mã QR, truy xuất nguồn gốc và tiếp nhận phản ánh của người tiêu dùng trên môi trường số.

2.5. Phấn đấu 100% các chủ thể sản xuất kinh doanh thuộc diện áp dụng hóa đơn điện tử thực hiện hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định.

2.6. Phấn đấu 100% hợp tác xã, hộ kinh doanh, chủ thể OCOP, cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu và đủ điều kiện được hướng dẫn tham gia tiêu dùng số, kinh doanh số; người dân được tuyên truyền, hỗ trợ kỹ năng tiêu dùng số an toàn thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng và các kênh phù hợp.

2.7. Hằng năm, tổ chức hoặc lồng ghép tổ chức các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng số, quảng bá sản phẩm địa phương trên môi trường số như phiên chợ số, tuần lễ sản phẩm địa phương, ngày hội livestream, chương trình kết nối cung - cầu, tập huấn kỹ năng kinh doanh số, tiêu dùng số an toàn.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Lộ trình thực hiện

1.1. Giai đoạn 2026 - 2027: Tập trung rà soát, lựa chọn sản phẩm, dịch vụ có tiềm năng tiêu thụ trên môi trường số; chuẩn hóa thông tin, hình ảnh, mã QR, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm đủ điều kiện; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ năng tiêu dùng số, kinh doanh số cho các chủ thể sản xuất kinh doanh, chủ thể OCOP và Tổ công nghệ số cộng đồng. Thí điểm, duy trì một số mô hình phù hợp như gian hàng số, phiên chợ số, chợ 4.0, điểm thanh toán không dùng tiền mặt trên nền tảng số.

1.2. Giai đoạn 2028 - 2029: Mở rộng phạm vi triển khai đối với các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc sản; nhân rộng các mô hình tiêu dùng số, thanh toán số, kinh doanh số hiệu quả. Tăng cường kết nối với sàn thương mại điện tử, doanh nghiệp bưu chính, logistics, ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán; từng bước nâng cao hiệu quả vận hành gian hàng số, giao nhận hàng hóa, chăm sóc khách hàng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên môi trường số.

1.3. Năm 2030: Cơ bản hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch; hình thành môi trường tiêu dùng số an toàn, thuận tiện, tin cậy; duy trì thường xuyên các hoạt động quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, lựa chọn mô hình hiệu quả để tiếp tục duy trì, nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng tiêu dùng số

2.1. Đẩy mạnh tuyên truyền về lợi ích của tiêu dùng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc, hóa đơn điện tử và mua sắm trực tuyến an toàn.

2.2. Tổ chức đào tạo, hướng dẫn kỹ năng tiêu dùng số, kinh doanh số theo nhóm đối tượng và theo chuỗi giá trị; trong đó phân nhóm phù hợp gồm: doanh nghiệp đã có đội ngũ số; doanh nghiệp nhỏ mới bắt đầu; hợp tác xã, chủ thể OCOP; hộ kinh doanh, hộ sản xuất. Nội dung đào tạo tập trung vào các kỹ năng thiết thực như: chuẩn hóa thông tin sản phẩm, quản trị gian hàng số, quảng bá sản phẩm, quảng cáo số, livestream bán hàng, pháp lý thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, xử lý đơn hàng, logistics, chăm sóc khách hàng và xử lý phản ánh sau bán hàng.

2.3. Lồng ghép nội dung tiêu dùng số vào phong trào “Bình dân học vụ số”, hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và các chương trình chuyển đổi số tại cơ sở; phát huy phương châm “cầm tay chỉ việc”, nhất là tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

3. Chuẩn hóa thông tin, số hóa sản phẩm, dịch vụ

3.1. Rà soát, lựa chọn các nhóm sản phẩm, dịch vụ có tiềm năng tiêu thụ trên môi trường số, ưu tiên sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, dịch vụ du lịch, văn hóa, ẩm thực địa phương.

3.2. Hỗ trợ các chủ thể sản xuất, kinh doanh chuẩn hóa thông tin sản phẩm, hình ảnh, video, mã số mã vạch, mã QR, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng, thông tin vận chuyển, đổi trả và chăm sóc khách hàng.

3.3. Việc chuẩn hóa thông tin, số hóa sản phẩm, dịch vụ được thực hiện theo từng nhóm lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với tính chất sản phẩm, dịch vụ và chức năng quản lý nhà nước của từng cơ quan chuyên ngành.

3.4. Từng bước xây dựng, cập nhật danh mục sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu của xã trên môi trường số phục vụ quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu và theo dõi kết quả triển khai.

4. Hỗ trợ kinh doanh trên sàn thương mại điện tử và các nền tảng số

4.1. Hướng dẫn các chủ thể sản xuất kinh doanh mở, duy trì và vận hành gian hàng trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, website, ứng dụng bán hàng và các kênh phân phối số phù hợp.

4.2. Tổ chức kết nối với các sàn thương mại điện tử, doanh nghiệp bưu chính, logistics, ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán, doanh nghiệp công nghệ số để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi từ quảng bá, đặt hàng, thanh toán, giao nhận đến chăm sóc sau bán hàng.

4.3. Hỗ trợ các chủ thể sản xuất kinh doanh tham gia sàn thương mại điện tử và các nền tảng số theo hướng đồng hành trong quá trình vận hành gian hàng, từ chuẩn hóa hồ sơ, mở gian hàng, hoàn thiện nội dung sản phẩm, thử nghiệm hoạt động quảng bá, tiếp nhận và xử lý đơn hàng, theo dõi hiệu quả, tối ưu nội dung, phương thức bán hàng và duy trì hoạt động thường xuyên; hạn chế tình trạng hỗ trợ chỉ dừng ở việc tạo tài khoản hoặc đăng tải sản phẩm ban đầu.

4.4. Khuyến khích phát triển mô hình bán hàng đa kênh đối với các sản phẩm có lợi thế của xã; hỗ trợ xây dựng thương hiệu số, nội dung quảng bá số, bản đồ số điểm bán và các chương trình livestream, phiên chợ số, tuần lễ sản phẩm địa phương trên môi trường số.

5. Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử và tiện ích số

5.1. Mở rộng điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt tại chợ, siêu thị, cửa hàng, cơ sở dịch vụ và các điểm bán hàng tập trung.

5.2. Triển khai mô hình “Chợ 4.0” và các mô hình phù hợp khác nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, tiêu dùng số, kinh doanh số tại các địa bàn đủ điều kiện; ưu tiên triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt đơn giản, chi phí hợp lý, dễ sử dụng, phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh, chợ, điểm bán hàng và cơ sở dịch vụ; việc đánh giá hiệu quả không chỉ căn cứ vào số lượng mô hình triển khai mà cần gắn với tỷ lệ giao dịch thanh toán số phát sinh thực tế, số điểm bán hoạt động, mức độ an toàn và phản hồi của người sử dụng.

5.3. Hướng dẫn hóa đơn điện tử, kê khai, nộp thuế điện tử theo hướng dễ hiểu, dễ thực hiện, có quy trình rõ, đầu mối hỗ trợ cụ thể; hạn chế sử dụng thuật ngữ chuyên

môn khó hiểu, ưu tiên tài liệu ngắn gọn, tình huống thực tế để tạo thuận lợi cho hộ kinh doanh, cơ sở dịch vụ khi chuyển đổi phương thức bán hàng.

6. Phát triển hạ tầng số, logistics và dịch vụ hỗ trợ tiêu dùng số

6.1. Tiếp tục rà soát, thúc đẩy phát triển hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng, 4G/5G tại các khu vực chợ, điểm bán hàng, khu, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm điều kiện thuận lợi để người dân, các chủ thể sản xuất kinh doanh tiếp cận nền tảng số, thanh toán số, thương mại điện tử và các dịch vụ hỗ trợ tiêu dùng số.

6.2. Phát triển mạng lưới bưu chính, chuyển phát, điểm nhận - gửi hàng hóa; khuyến khích doanh nghiệp bưu chính, logistics ứng dụng nền tảng số trong quản lý đơn hàng, theo dõi hành trình, tối ưu tuyến giao hàng, thông báo trạng thái đơn hàng và tiếp nhận phản ánh của khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ giao nhận hàng hóa phục vụ tiêu dùng trên môi trường số.

6.3. Khuyến khích hình thành hoặc liên kết các điểm gom hàng, kho chung, điểm ký gửi hàng hóa tại khu vực có sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, khu vực sản xuất tập trung và địa bàn có nhu cầu tiêu thụ trên môi trường số; kết nối với doanh nghiệp bưu chính, sàn thương mại điện tử để tối ưu quy trình tiếp nhận, đóng gói, bảo quản, vận chuyển và giao nhận hàng hóa.

6.4. Phối hợp với doanh nghiệp bưu chính, logistics nghiên cứu mô hình tuyến vận chuyển định kỳ, lịch gom hàng cố định, chuẩn hóa bao bì vận chuyển, hướng dẫn đóng gói, bảo quản phù hợp với từng nhóm sản phẩm, nhất là nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản theo mùa vụ, nhằm giảm chi phí bình quân, rút ngắn thời gian giao hàng và nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số.

7. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bảo đảm an toàn trên môi trường số

7.1. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc, gian lận thương mại, quảng cáo sai sự thật, giả mạo thương hiệu, giả mạo gian hàng, lừa đảo trong mua bán, thanh toán trực tuyến và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

7.2. Duy trì, hướng dẫn kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người tiêu dùng liên quan đến giao dịch trên môi trường số; công khai đầu mối tiếp nhận, thời hạn xử lý và tình trạng xử lý theo quy định, ưu tiên sử dụng, tích hợp các kênh hiện có của cơ quan nhà nước, hạn chế phát sinh thêm hệ thống riêng khi chưa cần thiết.

7.3. Đẩy mạnh tuyên truyền, cảnh báo các phương thức, thủ đoạn gian lận, lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán số và giao dịch trực tuyến; chú trọng truyền thông đến nhóm người tiêu dùng dễ bị tổn thương, người dân ở vùng sâu, vùng xa, người ít có kỹ năng số, giúp người dân nâng cao khả năng nhận diện rủi ro và lựa chọn kênh tiêu dùng số an toàn.

7.4. Khuyến khích các sàn thương mại điện tử, nền tảng số, cơ sở kinh doanh công khai, minh bạch thông tin người bán, thông tin sản phẩm, chính sách đổi trả, bảo hành, chăm sóc khách hàng và các dấu hiệu nhận diện gian hàng uy tín theo quy định; không làm phát sinh thêm thủ tục ngoài quy định pháp luật, đồng thời góp phần tạo lập niềm tin của người tiêu dùng khi giao dịch trên môi trường số.

7.5. Tăng cường bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin thanh toán, dữ liệu khách hàng trong quá trình sử dụng nền tảng tiêu dùng số, thanh toán số, truy xuất nguồn gốc và các kênh giao dịch trực tuyến; thực hiện theo nguyên tắc thu thập đúng mục đích, trong phạm vi cần thiết, phân quyền truy cập, bảo mật, sao lưu và xử lý sự cố theo quy định.

8. Theo dõi, đánh giá và nhân rộng mô hình hiệu quả

8.1. Hằng năm rà soát, cập nhật kết quả thực hiện các chỉ tiêu về sản phẩm được số hóa, chủ thể tham gia thương mại điện tử, điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt, cơ sở du lịch ứng dụng nền tảng số, số lượt người được tập huấn kỹ năng tiêu dùng số.

8.2. Tổ chức sơ kết, đánh giá hiệu quả các mô hình thúc đẩy tiêu dùng số; kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh nhiệm vụ cho phù hợp với thực tiễn và nhân rộng mô hình hiệu quả trên địa bàn xã.

8.3. Tăng cường phối hợp, chia sẻ số liệu giữa các phòng, ngành, thôn, doanh nghiệp nền tảng, ngân hàng, bưu chính để phục vụ công tác theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch.

(Có phụ lục phân công nhiệm vụ cụ thể kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp hiện hành; các cơ quan, đơn vị chủ động lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt để tránh trùng lặp, dàn trải; đồng thời huy động kinh phí của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã

1.1. Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn đoàn viên, hội viên, các chủ thể sản xuất kinh doanh tham gia tiêu dùng số, kinh doanh số.

1.2. Triển khai các mô hình hỗ trợ người dân, cơ sở sản xuất đưa sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số; phát huy vai trò lực lượng thanh niên, hội viên tại cơ sở

trong hướng dẫn kỹ năng số, thanh toán không dùng tiền mặt, mua sắm trực tuyến an toàn.

1.3. Vận động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp tích cực tham gia các chương trình thúc đẩy tiêu dùng số, phiên chợ số, ngày hội livestream, quảng bá sản phẩm địa phương, hỗ trợ hộ sản xuất, hộ kinh doanh tiếp cận nền tảng số.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

2.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, thôn theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này đảm bảo thực hiện hiệu quả, đồng bộ, thống nhất; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, kịp thời tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) hoặc xem xét điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp với tình hình thực tế địa phương và theo chỉ đạo của tỉnh, các sở, ngành.

2.2. Tham mưu, lồng ghép các nhiệm vụ thúc đẩy tiêu dùng số vào chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số của xã đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh trùng lặp.

2.3. Phối hợp với phòng, ban liên quan trong chuẩn hóa thông tin sản phẩm, dịch vụ; hướng dẫn, hỗ trợ về tiêu chuẩn, đo lường, truy xuất nguồn gốc, mã QR, nền tảng kỹ thuật, dữ liệu số, an toàn thông tin và các nội dung chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

2.4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, thôn liên quan tuyên truyền, cảnh báo lừa đảo trực tuyến, giả mạo thương hiệu, giả mạo gian hàng, chiếm đoạt tài sản trong thương mại điện tử và thanh toán số.

3. Phòng Kinh tế

3.1. Chủ trì triển khai các nhiệm vụ về thương mại điện tử, xúc tiến thương mại trên môi trường số; kết nối với các sàn thương mại điện tử, doanh nghiệp phân phối để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của xã.

3.2. Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ chuẩn hóa thông tin, hình ảnh, mã QR, câu chuyện sản phẩm, thông tin giao dịch, thanh toán, vận chuyển, đổi trả đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm phục vụ xúc tiến thương mại; phối hợp với các phòng, ngành, thôn trong chuẩn hóa, quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm trên môi trường số theo phân công tại Phụ lục.

3.3. Chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, bán hàng đa kênh; tăng cường kiểm tra, xử lý gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số.

3.4. Chủ trì rà soát, lựa chọn sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm của hợp tác xã, hộ sản xuất thuộc lĩnh vực quản lý có tiềm năng tiêu thụ trên môi trường số; hướng dẫn, hỗ trợ chuẩn hóa thông tin, hình ảnh, mã QR, truy

xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng, câu chuyện sản phẩm và dữ liệu phục vụ quảng bá, kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

3.5. Hướng dẫn hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất ứng dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, truy xuất nguồn gốc, quản lý thông tin sản phẩm, kết nối thị trường và phân phối sản phẩm.

3.6. Kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP trên môi trường số; hướng dẫn truy xuất nguồn gốc, mã QR, dữ liệu số và các nội dung kỹ thuật có liên quan.

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, tham mưu nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và điều kiện của địa phương; lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện một số chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; huy động nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai Kế hoạch theo quy định nhằm bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

4. Công an xã

Chủ trì, phối hợp bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu; phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo trực tuyến trong thương mại điện tử, thanh toán số và tiêu dùng số.

5. Trung tâm Dịch vụ công

- Đẩy mạnh tuyên truyền về tiêu dùng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, kỹ năng mua sắm an toàn, nhận diện gian lận, lừa đảo trên môi trường số.

- Tăng cường quảng bá sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu của xã; xây dựng chuyên mục, chuyên trang, phóng sự, video, nội dung truyền thông số về sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, dịch vụ tiêu biểu trên địa bàn xã.

- Phối hợp với các phòng, ngành, thôn tuyên truyền các mô hình hay, cách làm hiệu quả, gương điển hình trong tiêu dùng số, kinh doanh số, thanh toán số và phát triển sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số.

6. Các thôn trên địa bàn xã

- Lồng ghép nhiệm vụ thúc đẩy tiêu dùng số vào thực hiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì rà soát, lựa chọn các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm làng nghề, sản phẩm của hợp tác xã, hộ sản xuất, hộ kinh doanh trên địa bàn có tiềm năng tiêu thụ trên môi trường số; phối hợp với các sở, ngành, doanh nghiệp nền tảng, doanh nghiệp bưu chính, ngân hàng để hỗ trợ chuẩn hóa thông tin, mã QR, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số.

- Chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, mua sắm trực tuyến an toàn, nhận diện gian lận thương mại điện tử và bảo vệ thông tin cá nhân.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động cơ sở kinh doanh, chợ, hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc, hóa đơn điện tử, thương mại điện tử, kênh quảng bá số phù hợp.

7. Các Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân

- Phối hợp tuyên truyền, vận động các chủ thể sản xuất kinh doanh đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, thanh toán số, truy xuất nguồn gốc và các nền tảng số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.

- Phát huy vai trò kết nối cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã; phối hợp giới thiệu, chia sẻ, nhân rộng các mô hình kinh doanh số, tiêu dùng số hiệu quả; tổng hợp khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình tham gia môi trường số để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ.

8. Chế độ báo cáo: Định kỳ (báo cáo 6 tháng, trước ngày 18/6; báo cáo năm, trước ngày 18/12 hằng năm) hoặc đột xuất các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được phân công tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả thiết thực. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, thôn báo cáo về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành thuộc xã;
- Lãnh đạo VP UBND xã;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

PHỤ LỤC

Nhiệm vụ, giải pháp và phân công thực hiện thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn xã Đồng Yên đến năm 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Đồng Yên)

STT	Nội dung, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
I	Đưa sản phẩm lên môi trường số				
1	Rà soát, lựa chọn sản phẩm, dịch vụ có tiềm năng tiêu thụ trên môi trường số; ưu tiên sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực, đặc sản, làng nghề, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, dịch vụ du lịch, văn hóa, ẩm thực.	Phòng Kinh tế; các thôn trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa - Xã hội; các đơn vị liên quan	Danh mục sản phẩm, dịch vụ có tiềm năng tiêu thụ trên môi trường số được rà soát, cập nhật; xác định nhóm sản phẩm ưu tiên hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ.	Năm 2026; cập nhật hằng năm
2	Hướng dẫn các chủ thể sản xuất kinh doanh mở và vận hành gian hàng trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, website, ứng dụng bán hàng và các kênh phân phối số phù hợp.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội; các đơn vị liên quan; các thôn trên địa bàn xã	Các chủ thể sản xuất kinh doanh được hướng dẫn mở, duy trì, vận hành gian hàng trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, website, ứng dụng bán hàng hoặc kênh phân phối số phù hợp.	Giai đoạn 2026 - 2027; duy trì, mở rộng giai đoạn 2028 - 2030
3	Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, phiên chợ số, tuần lễ sản phẩm địa phương, livestream, kết nối cung - cầu trên môi trường số.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội; các đơn vị liên quan; các thôn trên địa bàn xã	Các chương trình xúc tiến thương mại, phiên chợ số, tuần lễ sản phẩm địa phương, livestream, hoạt động kết nối cung - cầu trên môi trường số được tổ chức, triển khai.	Hằng năm
4	Hỗ trợ chuẩn hóa thông tin, hình ảnh, mã QR, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng và câu chuyện sản	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội;	Sản phẩm, dịch vụ đủ điều kiện được hỗ trợ chuẩn hóa thông tin, hình ảnh, mã QR, truy xuất	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nội dung, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
	phẩm phục vụ quảng bá, giao dịch trên môi trường số theo từng nhóm lĩnh vực. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm của hợp tác xã, hộ sản xuất; Sở Công Thương chủ trì đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm phục vụ xúc tiến thương mại, thương mại điện tử;		các đơn vị liên quan; các thôn trên địa bàn xã	nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng, câu chuyện sản phẩm phù hợp với từng lĩnh vực; phục vụ quảng bá, giao dịch, kết nối thị trường và tiêu thụ trên môi trường số.	
5	Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất nông nghiệp ứng dụng nền tảng số trong quản trị sản xuất, quản lý thông tin sản phẩm, quản lý đơn hàng, kết nối phân phối và tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số.	Phòng Kinh tế	Doanh nghiệp, hợp tác xã; các đơn vị liên quan; các thôn trên địa bàn xã	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ ứng dụng nền tảng số trong quản trị, truy xuất nguồn gốc, quảng bá, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm.	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nội dung, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
II	Trang bị kỹ năng số cho người dân				
1	Tập huấn, hướng dẫn kỹ năng tiêu dùng số, mua sắm trực tuyến an toàn, thanh toán không dùng tiền mặt, nhận diện lừa đảo trực tuyến cho người dân, các chủ thể sản xuất kinh doanh.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Phòng Kinh tế; Công an xã; Ngân hàng khu Gia Tự; các đơn vị liên quan; các thôn trên địa bàn xã	Các lớp tập huấn, tài liệu hướng dẫn kỹ năng tiêu dùng số, mua sắm trực tuyến an toàn, thanh toán không dùng tiền mặt, nhận diện lừa đảo trực tuyến được tổ chức, ban hành hoặc phổ biến.	Hàng năm
2	Đào tạo, hướng dẫn kỹ năng kinh doanh số theo nhóm đối tượng và theo chuỗi giá trị, gồm: doanh nghiệp đã có đội ngũ số; doanh nghiệp nhỏ mới bắt đầu; hợp tác xã, chủ thể OCOP; hộ kinh doanh, hộ sản xuất. Nội dung tập trung vào quản trị gian hàng, quảng bá sản phẩm, quảng cáo số, livestream bán hàng, pháp lý thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thanh toán, hóa đơn điện tử, xử lý đơn hàng, logistics và chăm sóc khách hàng sau bán hàng.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa; doanh nghiệp, hợp tác xã; các đơn vị liên quan; các thôn trên địa bàn xã	Các đợt hướng dẫn chuyên sâu được tổ chức theo nhóm đối tượng; được thực hành trên sản phẩm, dịch vụ cụ thể; một số chủ thể được hỗ trợ tạo lập hoặc hoàn thiện gian hàng số, nội dung quảng bá, mã QR, quy trình tiếp nhận đơn hàng, thanh toán và chăm sóc khách hàng.	Hàng năm

STT	Nội dung, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
3	Lồng ghép nội dung tiêu dùng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt vào phong trào “Bình dân học vụ số”, hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và chuyển đổi số cấp xã.	Các thôn trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa - Xã hội; Công an xã; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội	Nội dung tiêu dùng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt được lồng ghép vào phong trào “Bình dân học vụ số”, hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và chương trình chuyển đổi số cấp xã.	Hàng năm
4	Phát huy vai trò đoàn viên, hội viên, Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn người dân, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận nền tảng số, thanh toán số và mua sắm trực tuyến an toàn.	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội	Các đơn vị liên quan; các thôn trên địa bàn xã	Đoàn viên, hội viên, Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia hướng dẫn người dân, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận nền tảng số, thanh toán số và mua sắm trực tuyến an toàn.	Hàng năm
III	Cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số				
1	Mở rộng điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt tại chợ, siêu thị, cửa hàng, cơ sở dịch vụ, điểm du lịch, cơ sở lưu trú, ăn uống và điểm bán hàng tập trung; ưu tiên giải pháp thanh toán đơn giản, chi phí hợp lý, dễ sử dụng, phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân.	Ngân hàng Nhà nước khu Gia Tự	Các cơ quan, đơn vị liên quan; các thôn trên địa bàn xã	Điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt được mở rộng; giải pháp thanh toán số được triển khai phù hợp với nhu cầu thực tế, bảo đảm thuận tiện, an toàn, có phát sinh giao dịch thực tế và phản hồi tích cực của người sử dụng.	Giai đoạn 2026 - 2030
2	Triển khai thực hiện mô hình “Chợ 4.0” và các mô hình phù hợp khác nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, tiêu dùng số, kinh doanh số tại các địa bàn đủ điều kiện; việc đánh giá hiệu quả gắn với giao dịch thanh toán số phát sinh thực tế, số điểm bán hoạt động và mức độ tham gia của tiểu thương, hộ kinh doanh.	Phòng Văn hóa - Xã hội; các thôn trên địa bàn xã	Phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị liên quan	Mô hình “Chợ 4.0” và các mô hình thanh toán số phù hợp được duy trì, nhân rộng theo hướng thực chất; có số điểm bán tham gia, giao dịch thanh toán số phát sinh thực tế và phản hồi của người bán, người mua.	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nội dung, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
3	Kết nối các chủ thể sản xuất kinh doanh với sàn thương mại điện tử, doanh nghiệp bưu chính, logistics, ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán, doanh nghiệp công nghệ số; khuyến khích hình thành hoặc liên kết điểm gom hàng, kho chung, điểm ký gửi hàng hóa, tuyến vận chuyển định kỳ, chuẩn hóa bao bì vận chuyển phù hợp với địa bàn miền núi.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội; Ngân hàng Nhà nước khu vực Trung ương; các doanh nghiệp bưu chính, các đơn vị liên quan	Các mô hình kết nối tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp bưu chính, logistics được triển khai; điểm gom hàng, điểm ký gửi, tuyến vận chuyển định kỳ hoặc giải pháp chuẩn hóa bao bì vận chuyển được nghiên cứu, áp dụng phù hợp, góp phần giảm chi phí giao nhận và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số.	Giai đoạn 2026 - 2030
4	Rà soát, thúc đẩy hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng, 4G/5G tại khu vực sản xuất tập trung, chợ, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các doanh nghiệp viễn thông; các đơn vị liên quan	Khu vực sản xuất tập trung, chợ, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa được rà soát về hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng, 4G/5G; khó khăn, vướng mắc được tổng hợp, đề xuất xử lý.	Hàng năm

STT	Nội dung, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
IV	Tạo lập niềm tin số				
1	Tuyên truyền, cảnh báo lừa đảo trực tuyến, giả mạo thương hiệu, giả mạo gian hàng, chiếm đoạt tài sản trong thương mại điện tử và thanh toán số.	Trung tâm Dịch vụ công	Các phòng, ngành; Công an xã; các đơn vị liên quan; các thôn trên địa bàn xã	Tin, bài, tài liệu, thông tin cảnh báo về lừa đảo trực tuyến, giả mạo thương hiệu, giả mạo gian hàng, chiếm đoạt tài sản trong thương mại điện tử và thanh toán số được tuyên truyền, phổ biến.	Hàng năm
2	Kiểm tra, giám sát hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; xử lý hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc, gian lận thương mại, quảng cáo sai sự thật và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các doanh nghiệp viên thông; các đơn vị liên quan	Hoạt động kiểm tra, giám sát thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số được triển khai; các hành vi hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc, gian lận thương mại, quảng cáo sai sự thật, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ được phát hiện, xử lý theo quy định.	Hàng năm hoặc đột xuất
3	Duy trì, hướng dẫn kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người tiêu dùng liên quan đến giao dịch trên môi trường số.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành, các đơn vị liên quan	Kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người tiêu dùng liên quan đến giao dịch trên môi trường số được duy trì, hướng dẫn, vận hành hiệu quả.	Hàng năm
4	Hướng dẫn bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin thanh toán, an toàn thông tin	Công an xã	Các phòng, ngành, các đơn vị liên quan	Tài liệu, hoạt động hướng dẫn bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông	Hàng năm

STT	Nội dung, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
	mạng khi sử dụng nền tảng tiêu dùng số.			tin thanh toán, an toàn thông tin mạng khi sử dụng nền tảng tiêu dùng số được triển khai.	
5	Chia sẻ, nhân rộng mô hình kinh doanh số, tiêu dùng số hiệu quả; tổng hợp khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ.	Doanh nghiệp, hợp tác xã	Các phòng, ngành, các đơn vị liên quan	Mô hình kinh doanh số, tiêu dùng số hiệu quả được chia sẻ, nhân rộng; khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp được tổng hợp, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ.	Hàng năm
6	Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo khó khăn, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ngành; các đơn vị liên quan	Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về kết quả thực hiện Kế hoạch, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị được tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.	Định kỳ hoặc đột xuất